

PHẬT GIÁO NHẬP THỂ - TIẾP CẬN TỪ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO NHẬP THỂ CỦA TRẦN NHÂN TÔNG

Tóm tắt: Trần Nhân Tông là vị Vua - Phật đã rất thành công trong việc đưa Phật giáo nhập thể. Tư tưởng của Ngài về Phật giáo nhập thể không chỉ thể hiện trong ngôn từ, mà còn và chủ yếu còn thể hiện trong thực hành của Ngài, có giá trị to lớn, không chỉ đối với xã hội, mà còn đối với bản thân Phật giáo. Bài viết khảo sát một số quan niệm về Phật giáo nhập thể đương đại, xác định nan đề, đi tới tìm hiểu, đúc kết một số quan điểm mang tính định hướng từ tư tưởng Phật giáo nhập thể của Trần Nhân Tông, nhằm góp phần cung cấp thêm cơ sở tư tưởng cho quá trình nhập thể của Phật giáo Việt Nam hiện nay, đồng thời cũng là góp phần khẳng định giá trị to lớn, vươn vượt qua thời gian, của di sản Trần Nhân Tông.

Từ khóa: Trần Nhân Tông, Phật giáo, Phật giáo nhập thể, triết học, tư tưởng.

Nhập đề

Trong tiến trình hàng nghìn năm của lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo đã đóng một vai trò rất quan trọng. Không chỉ trong các triều đại Lý, Trần khi Phật giáo là tôn giáo chủ lưu, mà trong xã hội Việt Nam truyền thống nói chung, Phật giáo đã có những đóng góp to lớn cho lịch sử, văn hóa dân tộc, dù có lúc hiển lộ, có khi ẩn tàng. Dù ở nơi thành thị hay chốn sơn lâm, dù qua bậc đế vương hay người ẩn sĩ, v.v... Phật giáo, một cách trực tiếp hay gián tiếp, dưới hình thái tổ chức, định hướng giá trị hay mô thức hành vi, đều đã tác động, ảnh hưởng, thúc đẩy một cách mạnh mẽ cách thức tổ chức và vận hành của đời sống xã hội Việt Nam, cũng như dẫn dắt và khuôn định tâm thức

* Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 16/3/2018; Ngày biên tập: 23/3/2018; Ngày duyệt đăng: 30/3/2018.

và hành vi nhân sinh của con người Việt Nam. Trong thời hiện đại, sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam nhằm mục tiêu giải phóng tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người cũng đã có sự tham gia một cách tích cực của Phật giáo Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều”. Người còn chỉ rõ, tinh thần Từ Bi của Đạo Phật chính là một trong những định hướng giá trị và mô thức hành vi của sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó. Hồ Chí Minh viết: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma. Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ”¹. Rõ ràng, nhập thế là một bản sắc của Phật giáo Việt Nam. Tinh thần nhập thế đầy trách nhiệm và hữu ích của Phật giáo Việt Nam được ý thức rõ, thừa nhận và tôn trọng không chỉ trong bản thân Phật giáo, mà cả từ phía người lãnh đạo, cầm quyền cũng như từ phía xã hội.

Đi qua chặng đường 30 năm đổi mới với nhiều thành tựu có ý nghĩa lịch sử, đất nước và con người Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo hướng “xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt”. Vị thế của Việt Nam trong khu vực và quốc tế được củng cố, tăng cường. Tuy vậy, nhiều vấn đề xã hội và nhân sinh đã xuất hiện và diễn biến phức tạp mà để giải quyết được một cách triệt để, cần có sự tham gia của toàn xã hội. Phật giáo, với sự quan tâm sâu sắc đến nỗi khổ lạc của con người, không đứng ngoài cuộc. Và trên thực tế, Phật giáo Việt Nam, nhìn từ góc độ một thiết chế xã hội, đã tích cực tham gia giải quyết nhiều vấn đề, đặc biệt là các vấn đề về cứu trợ xã hội, giáo dục đạo đức, v.v... và Phật giáo, với tư cách là định hướng giá trị và mô thức hành vi, cũng qua nhiều con đường, phương thức khác nhau thâm sâu và lan tỏa trong con người và xã hội, dẫn dắt suy nghĩ và hành động, xoa dịu những nỗi đau, cảm hóa và chuyển hóa những bức xúc, sân hận trong nhân tâm, thế gian. Vai trò

“hộ quốc, an dân” của Phật giáo được xã hội thừa nhận. Rõ ràng, tinh thần nhập thế chân chính đã được truyền thừa và phát huy trong sự phát triển liên tục của Phật giáo Việt Nam.

Tuy vậy, để tinh thần nhập thế chân chính của Phật giáo Việt Nam được phát huy cao độ, góp phần giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội và nhân sinh, đồng thời ngăn ngừa và loại bỏ những biến tướng, biến chất nhân danh nhập thế, cần trở lại với những nhận thức đúng đắn về “nhập thế”. Một quan niệm đúng đắn về Phật giáo nhập thế sẽ góp phần định hướng, dẫn dắt quá trình nhập thế trong hiện thực của Phật giáo, làm cho quá trình nhập thế ấy đi đúng *chính đạo*.

1. Phật giáo nhập thế - một số quan niệm đương đại

Việt Nam tự điển xuất bản ở Sài Gòn năm 1971 chưa có từ “nhập thế” dù rằng phong trào Phật giáo chống chính quyền Ngô Đình Diệm đã trở thành một sự kiện có tiếng vang thế giới từ đầu thập niên 60 của thế kỷ 20 và cuốn sách *Hoa sen trong biển lửa* vốn được giới nghiên cứu Phương Tây coi như một trong những công trình đi tiên phong trong việc đề xuất khái niệm Engaged Buddhism (có thể được dịch ra tiếng Việt là Đạo Bụt/Phật giáo dân thân, hoặc Phật giáo nhập thế) đã được Thích Nhất Hạnh xuất bản từ năm 1966.

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học xuất bản năm 2004, “nhập thế” được định nghĩa là “dự vào cuộc đời (thường là ra làm quan), gánh vác việc đời, không đi ở ẩn, theo quan niệm của Nho giáo”². Quan niệm này tiếp cận vấn đề nhập thế từ quan điểm “xuất”, “xử” của Nho gia, không hoàn toàn phù hợp với Phật giáo.

Từ điển Nho, Phật, Đạo do Lao Tử, Thịnh Lê chủ biên giải thích từ nhập thế như sau: “Đạo gia cho rằng, tại gia mà tu đạo, đó có nghĩa là hòa nhập theo thế tục mà lập thân hành đạo, cho nên gọi là công phu nhập thế. Như Lão Tử thờ nhà Chu, Trương Lương phò nhà Hán, Lưu Cơ giúp nhà Minh hưng thịnh, đều gọi là công phu nhập thế, để đối lập với công phu xuất thế. Hơn nữa, nếu lại làm các việc đời để làm nên công đức sửa mình, giúp đời, độ thế hành đạo, vì thế gian mà làm mọi đạo đức tế vật, tích lũy công hạnh để chứng đạo quả thì đều gọi là công phu nhập thế³. Quan niệm nhập thế của các tác giả tuy phẳng

phát chất Đạo học, nhưng cũng khá phù hợp với tinh thần nhập thế của Phật giáo, đặc biệt trên phương diện nhìn nhận nhập thế như một quá trình trong chính thể tương tác biện chứng giữa “chứng đạo” và “độ thế hành đạo”.

Các bộ từ điển phản ánh nhận thức chung, mang tính đại chúng về nhập thế, cũng là một căn cứ để tìm hiểu nhận thức xã hội về vấn đề Phật giáo nhập thế. Tuy nhiên, cần đi sâu vào quan niệm của giới khoa học cũng như của bản thân các trí thức Phật giáo.

Ở Việt Nam, ngay từ thập niên 30 của thế kỷ 20, đã xuất hiện một khái niệm có liên quan đến khái niệm “Phật giáo nhập thế”. Đó là khái niệm “Nhân gian Phật giáo”. Theo nghiên cứu của tác giả Chân Minh, khái niệm “Nhân gian Phật giáo” xuất hiện lần đầu trên tờ báo Đuốc Tuệ (ra mắt số đầu tiên ngày 10/12/1935) và gắn liền với loạt bài của của học giả kiêm tiểu thuyết gia Nguyễn Trọng Thuật. Nguyễn Trọng Thuật quan niệm: “nhân gian Phật giáo đối với đạo Phật là phát biểu những điều chân chính có quan thiết đối với đời người để làm lợi ích cho đời, chứ không có gì là khác lạ”. Nói cách khác, “Nhân gian Phật giáo” là Phật giáo đóng vai trò dẫn dắt tinh thần với mục đích đem lại những điều có lợi cho nhân gian.

Đầu thập niên 60 của thế kỷ 20, phong trào Phật giáo diễn ra sôi nổi ở Miền Nam Việt Nam, đặc biệt là phong trào chống chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm. Tác phẩm “Đạo Phật đi vào cuộc đời” của Thích Nhất Hạnh xuất bản năm 1964, vốn là tập hợp loạt bài viết của ông được viết từ giữa thập niên 50 của thế kỷ 20. Bản thân tên sách “Đạo Phật đi vào cuộc đời” đã đề xuất một khái niệm mới phản ánh tinh thần nhập thế của Phật giáo. Thích Nhất Hạnh giải thích: “đem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để biến cải cuộc đời theo chiều hướng thiện, mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời”⁴. Sự giải thích của Thích Nhất Hạnh là rất rõ ràng: Đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là áp dụng những nguyên lý của Đạo Phật theo phương thức phù hợp để cải

biến cuộc đời theo hướng thiện, mỹ. Đây cũng chính là tinh thần cơ bản của Phật giáo nhập thế. Bản thân Thích Nhất Hạnh giải thích: “Cuộc đời có nghĩa là cuộc sống hay xã hội. Đạo Bụt nhập thế tiếng Việt được hiểu là đạo Bụt đi vào cuộc sống, đạo Bụt đi vào xã hội”⁵.

Năm 1966, tác phẩm nổi tiếng thế giới của Thích Nhất Hạnh được xuất bản với tựa đề “Hoa sen trong biển lửa”. Cuốn sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và được coi là cuốn sách đánh dấu sự khởi đầu của khái niệm “Engaged Buddhism”. Thích Nhất Hạnh giải thích nội hàm khái niệm “Engaged Buddhism” như sau: “Cái tự thân của đạo Phật là đi vào cuộc đời rồi. Nếu không đi vào cuộc đời thì đâu còn là đạo Phật nữa? Điều này rất dễ hiểu. Chúng ta đã học Bát Chánh Đạo, chúng ta biết rằng Tứ Đế là một giáo lý khuyên chúng ta, chỉ dẫn cho chúng ta đối diện trực tiếp với khổ đau mà không phải chạy trốn khổ đau. Sự thật thứ nhất là sự có mặt của đau khổ, và mình phải trực tiếp đối diện với đau khổ đó. Vậy thì ngay trong sự hình thành của Phật giáo ta đã thấy cái tính chất dẫn thân rồi. Vì nếu không là dẫn thân, nếu không phải là nhân gian, nếu không phải là đi vào cuộc đời, thì đạo Phật đâu còn là đạo Phật nữa? Vậy thì tại sao đã là đạo Phật rồi mà còn phải thêm chữ dẫn thân, phải thêm chữ nhập thế nữa, phải thêm chữ *engaged* nữa? Tại vì sao? Là tại có những người nghĩ rằng đạo Phật là chỉ dành cho những người tu ở trong chùa thôi! Vì vậy cho nên phải dùng chữ *engaged* cho họ hiểu. Khi người ta đã hiểu rồi thì mình bỏ chữ *engaged* đi cũng được, bỏ chữ dẫn thân đi cũng được”⁶. Như vậy, ở đây, Phật giáo nhập thế được hiểu là Phật giáo đi vào cuộc đời, là Nhân gian Phật giáo, Phật giáo ở trong cuộc đời và hiện hữu trong cuộc sống thường nhật. Đạo chính là đời, chứ không xa đời, không ở ngoài đời. Nhập thế như thế là bản chất tự thân của Phật giáo.

Trên một phương diện khác, Thích Nhất Hạnh nói đến *Engaged Buddhism* theo nghĩa là Phật giáo hành động. Ông có bài kệ:

“Khi đạt được chánh kiến, phải hành động,
Phải quan tâm những gì xảy ra quanh ta.
Nhờ chánh niệm, chúng ta biết sẽ phải làm gì,
Biết không được làm gì, trên con đường độ sinh”.

Ông giải thích rõ: “Một vài thầy bảo chúng ta đừng quan tâm đến những vấn đề hiện nay trên thế giới như nạn đói, chiến tranh, áp bức, bất công, vân vân... Theo tôi, những vị này không hiểu đúng tinh thần Phật giáo Đại thừa. Dĩ nhiên chúng ta không nên xao lãng thực tập Chánh niệm và học hỏi kinh điển, nhưng mục đích của việc tu học này là gì? Là ý thức về những gì xảy ra trong thân tâm của chúng ta và bên ngoài. Chúng ta có thể thấy những gì xảy ra trên thế giới có thể thấy được ngay trong chúng ta và ngược lại. Khi nhận thấy rõ điều này, chúng ta không thể nào không hành động”. Ông chứng minh tinh thần Nhập thế của Phật giáo bằng hành động của “một vị tăng nhưng cũng là một nhà cách mạng”, của các vị tăng “dùng hình thái thuyết pháp và dạy học để gây ý thức cách mạng chống Pháp”, của các hội Phật tử “đã đóng góp khá nhiều về vấn đề văn hóa và chỉnh đốn tín ngưỡng, bài trừ mê tín”⁷, v.v...

Khái quát lại, có thể thấy trong quan niệm của Thích Nhất Hạnh, Engaged Buddhism, Đạo Bụt đi vào cuộc đời, Nhân gian Phật giáo hay Phật giáo nhập thế được hiểu theo hai nghĩa: (1) làm cho những nguyên lý của Phật giáo trở thành nguyên lý sống thường nhật, từ đó cải biến nhân sinh và xã hội theo hướng thiện, mỹ; và (2) Phật giáo với tổ chức, lực lượng và giáo lý của mình tham gia giải quyết những vấn đề đang tồn tại trong nhân sinh và xã hội. Hai nghĩa này không tách rời nhau, mà có quan hệ mật thiết với nhau.

Tinh thần Nhập thế của Phật giáo theo cách quan niệm của Thích Nhất Hạnh có ảnh hưởng rộng lớn. Có thể bắt gặp ý tưởng của ông trong quan niệm của nhiều học giả, nhà hoạt động xã hội hiện đại về Phật giáo Nhập thế. Chẳng hạn, trong công trình *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality* do nhà xuất bản Đại học Hawaii ấn hành năm 2009, tác giả Allie B. King đã chỉ rõ: “Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) là một hình thức đương đại của Phật giáo, tham gia tích cực nhưng không bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, môi trường. Ở trạng thái tốt nhất, sự tham gia này không tách rời khỏi tinh thần của Phật giáo, mà là một biểu hiện của nó⁸; “Nguồn gốc triết học và đạo đức của nó nằm sâu trong triết học và các giá trị Phật giáo truyền thống và được áp dụng vào các vấn

đề đương đại”⁹; “Phật giáo nhập thế không phải là một phong trào xa lạ với các giá trị tinh thần của Phật giáo truyền thống. Đó là một con đường dẫn đến sự viên mãn các giá trị đó và thể hiện chúng trong hành động”¹⁰. Như vậy, theo Allie B. King, Phật giáo nhập thế hình thành từ sự vận động hợp bản chất của Phật giáo, vừa làm cho các giá trị của Phật giáo được đạt thành viên mãn, vừa là sự thể hiện những giá trị đó trong những hành động thực tiễn nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách xã hội. Quan niệm của Allie B. King khá tiêu biểu cho cách hiểu hiện đại về Phật giáo nhập thế hiện nay.

Nếu Thích Nhất Hạnh được giới nghiên cứu nhắc đến gắn liền với khái niệm “Engaged Buddhism”, thì thuật ngữ “Nhân gian Phật giáo”, dù đã xuất hiện ở Việt Nam từ giữa thập niên 30 của thế kỷ 20, và dù được Thích Nhất Hạnh đề cập đến như một từ đồng nghĩa với “Engaged Buddhism”, nhưng lại được đề xướng bởi các nhà tu hành Trung Hoa. Để hiểu toàn diện hơn về nội hàm của khái niệm “Phật giáo nhập thế” cần trở lại tìm hiểu quan niệm sơ khởi về “Nhân gian Phật giáo”.

Đại sư Thái Hư, một nhà cải cách Phật giáo Trung Quốc hiện đại, là người đề xuất khái niệm “Nhân sinh Phật giáo” (Buddhism for Human Life), một khái niệm tiền thân của “Nhân gian Phật giáo”. Đại sư Thái Hư giải thích: Nhân sinh, “theo nghĩa hẹp là đời sống của toàn bộ nhân loại; Theo nghĩa rộng, Nhân là nhân loại, Sinh là chúng sinh trong cửu pháp giới. Nhân loại là trung tâm của mọi chúng sinh trong cửu pháp giới, một niệm hướng xuống thì thành tứ ác thú, một niệm hướng lên thì là trời và tam thừa, cho nên, nhân loại có thể là đại biểu chung cho chúng sinh trong cửu pháp giới, và cũng là điểm chuyển đổi trong chúng sinh thuộc cửu pháp giới”¹¹. Theo đó, hạ tứ thú (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la) thì nghiệp lực quá nặng, không thể tu; còn thượng tứ thú (Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) thì phúc báo quá dày, cũng khó biết đường tu; chỉ có “nhân thú” là ở trung đạo, có thể đạt thành Phật quả. Như vậy, khi đề xuất khái niệm Nhân sinh Phật giáo, Đại sư Thái Hư chủ trương Phật giáo phải coi trọng cõi này, coi trọng những con người đang sống trên thế gian. Trong tác phẩm *Phật giáo của Nhân sinh*, Đại sư đã viết: “Nhân sinh, bất kể các bậc hiền triết cổ kim, đông tây, đều dạy con người làm việc thiện và đổi

xử tốt với mọi người, tiến bộ, hướng thượng để trở thành nhân cách hoàn mỹ; tăng cường đời sống cộng đồng của nhân loại, để mong an lạc, hòa bình. Phật giáo cực kỳ chú trọng thực hiện đạo đức nhân sinh, và Nhân sinh Phật giáo càng đặc biệt lấy đó là cơ bản”. Với tinh thần đó, đại sư chỉ rõ, “nếu như phát tâm học Phật, thì trước tiên cần lập chí làm người, làm cho thế giới tốt đẹp bằng tam quy tứ duy, nghiêm khắc với bản thân bằng bát đức, thập thiện”¹². Cùng với việc sử dụng khái niệm “Nhân sinh Phật giáo”, Đại sư Thái Hư còn sử dụng các khái niệm khác có liên quan là “Buddhism for the Human World” (Nhân thế Phật giáo) và “Humanistic Buddhism” (Nhân gian Phật giáo). Môn đệ của Đại sư Thái Hư là Ấn Thuận tiếp tục sử dụng khái niệm “Humanistic Buddhism” trong các bài viết và sách vở của ông như một lời chỉ trích nhằm chống lại sự “sùng bái” của Phật giáo - một đặc điểm chung khác của Phật giáo Trung Quốc.

Đại sư Tịnh Vân một nhà cải cách Phật giáo nổi tiếng khác, người sáng lập và lãnh đạo Phật Quang Sơn, cũng là người ngay từ sớm và luôn nêu cao quan niệm về Nhân gian Phật giáo. Theo quan niệm của Đại sư Tịnh Vân, Nhân gian Phật giáo “nói một cách đơn giản, chính là đưa Phật pháp vào trong đời sống, chính là chú trọng thực hiện Tịnh Độ ngay trong thế giới này, chứ không phải là trông chờ ở sự báo đáp trong tương lai”¹³. Ông chỉ rõ, Phật Quang Sơn khởi xướng Nhân gian Phật giáo “chính là muốn làm cho Phật giáo đi vào nhân gian, làm cho Phật giáo đi vào trong đời sống của chúng ta, làm cho Phật giáo đi vào trong tâm linh của mỗi người chúng ta”¹⁴. Ông còn cho rằng, Phật giáo nguyên thủy là Phật giáo nhân gian, và nhấn mạnh, “Phật Thích Ca Mâu Ni sinh ra trong nhân gian, tu đạo trong nhân gian, thành Phật trong nhân gian, hoằng pháp trong nhân gian, tất cả những điều này đều chứng minh Phật giáo là Phật giáo của nhân gian”, và “Đức Phật, là Đức Phật nhân gian; Phật giáo, là Phật giáo nhân gian”.

Nhìn chung, quan niệm của các đại sư: Thái Hư, Ấn Thuận và Tịnh Vân, tuy có sự khác biệt ở điểm nhấn vào cơ sở triết học hay mặt ứng dụng, thực hành của Phật giáo nhập thế, nhưng đều thể hiện sự coi trọng đời sống nhân sinh (hiểu theo nghĩa hẹp của Đại sư Thái Hư) và việc đưa Phật pháp vào nhân sinh, góp phần *tịnh hóa nhân gian*.

Như vậy, khái quát lại, quan niệm về Phật giáo nhập thế hết sức phong phú, thuật ngữ chuyên môn được sử dụng cũng đa dạng, nhưng nhìn chung, các quan niệm đều có điểm chung ở tinh thần tự độ - độ tha, tự giác - giác tha, dùng Phật pháp để giải quyết các vấn đề xã hội và nhân sinh, làm cho Phật pháp thấm sâu, trở thành nguyên lý tinh thần của con người hiện thực trong xã hội. Ở các quốc gia, dân tộc khác nhau, mức độ nhập thế của Phật giáo có khác nhau, song tinh thần chung đều là như vậy.

Tuy nhiên, xu hướng nhập thế của Phật giáo cũng đang đứng trước nhiều thách thức đến cả bên trong và bên ngoài của Phật giáo. Chẳng hạn, nhìn từ bên trong, dù các nhà tiên phong của Phật giáo nhập thế có khẳng định mạnh mẽ đến đâu sự phù hợp của tinh thần nhập thế với bản chất tự thân của Phật giáo, thì vẫn còn đó quan niệm e ngại sự nhập thế có thể ngăn cản/tập nhiễm đường tu chân chính của người tu và xuất thế vẫn là một nhu cầu mãnh liệt trên con đường đạt tới chính quả; nhìn từ bên ngoài, đồng thời với việc khẳng định vai trò và đóng góp của Phật giáo trong giải quyết nhiều vấn đề của xã hội, nhân sinh, thì đồng thời, không phải không có sự băn khoăn, lo lắng về giới hạn chính đáng cũng như nguy cơ va chạm giữa Phật giáo với các thiết chế xã hội khác khi nhập thế. Đó là chưa kể, những vấn đề xã hội, nhân sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa, kỷ nguyên số, xã hội tiêu thụ, v.v... đang diễn biến phức tạp, thách thức hiệu quả và sự bền vững của những giải pháp đến từ Phật giáo. Và trên thực tế, những băn khoăn, e ngại, lo lắng đó không phải không có cơ sở khi nhìn vào hiện thực nhập thế nhân danh Phật giáo.

Trong bối cảnh như thế, việc đi tìm những điểm tựa tư tưởng cho Phật giáo nhập thế vẫn là hết sức cần thiết.

2. Tư tưởng Phật giáo nhập thế của Trần Nhân Tông

Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308) là một nhân vật chói sáng trong lịch sử dân tộc Việt Nam với những đóng góp to lớn và toàn diện trên tất cả các mặt: chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa, tôn giáo, v.v... Dấu ấn mà Trần Nhân Tông để lại trong lịch sử dân tộc Việt Nam là vô cùng sâu đậm, ảnh hưởng là vô cùng lâu dài.

Trên phương diện nhà tu hành đã chứng Đạo, nhà sáng lập Phật giáo Trúc Lâm Việt Nam, người thống nhất tổ chức Phật giáo Việt Nam, Trần Nhân Tông với Pháp hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà (Trúc Lâm Đại Đầu Đà, Trúc Lâm Đại Sĩ, Điều Ngự Giác Hoàng) đã an nhiên tự tại trên Phật tòa trong tâm thức Việt Nam. Nhưng ngôi cao chói lọi này không xa vời mà lại luôn ở trong nhân gian, hòa với nhân gian, rọi sáng cho nhân gian, góp phần đưa nhân gian vượt bờ mê, qua bến giác, theo tinh thần *Hòa Quang Đồng Trần*. Phật tại thế gian, cứu độ nhân gian, chứng ngộ trong nhân gian với trạng thái viên mãn *Cư Trần Lạc Đạo* chính là cốt lõi tư tưởng Phật giáo nhập thế của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

Không phải đợi đến khi chính thức xuất gia, Trần Nhân Tông mới đến với cửa Phật. Ngài đã ngộ đạo và lạc đạo từ rất sớm và vì thế tinh thần Phật giáo nhập thế của Ngài đã thể hiện một cách sống động cùng với những bước thăng trầm của dân tộc, với những nỗi khổ lạc của nhân dân, nhất là từ khi Ngài trở thành người lãnh đạo, dẫn dắt dân tộc, cũng như khi Ngài đã chính thức xuất gia. Hành trình nhập thế lâu dài và sâu sắc như thế chính là hành trình song trùng của ngộ đạo và hành đạo, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Sử sách còn ghi rõ sự nghiệp hiển hách của Trần Nhân Tông khi Ngài lãnh đạo quân dân Đại Việt hai lần đánh bại quân xâm lược Mông - Nguyên với tư tưởng chiến lược là nêu cao chính nghĩa, khoan dung, hòa hiếu để chấm dứt chiến tranh, xây nền hòa bình an lạc muôn đời. Đây đúng là tinh thần Phật giáo nhập thế như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã dẫn ở đầu bài viết. Sử sách cũng còn ghi rõ những sự kiện thấm đẫm tinh thần Phật giáo nhập thế của Phật Hoàng Trần Nhân Tông khi Ngài, với tư cách là Thượng hoàng, phê bình vua Trần Anh Tông say rượu đến nỗi bỏ bê chính sự; hoặc khi Ngài đi vân du Chiêm Thành, hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, qua đó vừa góp phần gây dựng quan hệ hòa hiếu với lân bang, vừa mở đường Nam tiến một cách hòa bình; hoặc khi Ngài đi khắp nơi khuyên dân dẹp bỏ những dâm tử và dạy họ tu hành thập thiện, v.v... Tất cả những sự kiện đó cho thấy tư tưởng và sự thực hành tư tưởng Phật giáo nhập thế của Trần Nhân Tông là nhất quán, kiên trì và vô cùng sâu sắc, thiết thực.

Nghiên cứu các tác phẩm còn lại của Trần Nhân Tông cũng như chính cuộc đời Ngài, có thể khái quát mấy quan điểm lớn của Ngài về Phật giáo nhập thế như sau:

Thứ nhất, Phật giáo nhập thế là sự thể hiện tinh thần tự nhiệm của người tu Phật trước Tổ quốc, dân tộc. Tinh thần tự nhiệm nổi bật trước hết ở Nho giáo. Người quân tử hiểu đạo, hiểu đời, hiểu người, hiểu mình, vì thế luôn có ý thức về trách nhiệm của mình với đạo, với đời và với người. Có nhà nghiên cứu cho rằng, Trần Nhân Tông bị ảnh hưởng bởi đạo Nho mà không biết. Tôi không đồng tình với quan điểm đó. Trần Nhân Tông là người lâu thông Tam giáo, trong đó có Nho giáo. Văn bia của Pháp Loa ghi trong *Tam Tổ Thực Lục* có chép lại sự kiện Điều Ngự trao y bát và tâm ấn cho Pháp Loa, trong đó có chi tiết Ngài trao cho Pháp Loa không chỉ 20 hộp nhỏ kinh điển Phật giáo, mà còn có 100 hộp “kinh sử ngoại thư” để mở rộng việc học nội điển và ngoại điển. Điều đó cho thấy ở Trần Nhân Tông thái độ khoan dung, rộng mở trong ứng xử với nội điển và ngoại điển, bao gồm cả Nho giáo và Đạo giáo. Trong các tác phẩm của Trần Nhân Tông mà tiêu biểu là “Cư Trần Lạc Đạo Phú” có thể tìm thấy nhiều câu thể hiện rõ mức độ am hiểu sâu sắc, cũng như sự thừa nhận, tôn trọng của Trần Nhân Tông đối với Nho, Đạo.

Tuy vậy, tinh thần tự nhiệm mà Trần Nhân Tông nêu cao chủ yếu đến từ tình yêu quê hương, đất nước và nhân dân tha thiết của Ngài. Hình ảnh quê hương, đất nước ở Trần Nhân Tông thật đẹp và tình yêu mà Ngài dành cho quê hương, đất nước thật rộng lớn.

Đó tình yêu với giang sơn hoa gấm:

“Chim hót nhở nhơ, hoa liễu dày,
Bóng thềm nhà vẽ mây chiều bay.
Chuyện đời khách đến thôi không hỏi,
Cùng tựa lan can ngắm núi mây”¹⁵.

Cảnh Xuân

Đó là tình yêu với mảnh đất quê hương nơi có những hương dân hiền hòa, có những mái tranh tỏa khói lam chiều:

“Thôn trước thôn sau tựa khói nhòa,

Nửa không nửa có mé chiều xa.
Mục đồng sáo vắng trâu về hết,
Cò trắng từng đôi ruộng xuống sà”¹⁶.

Ngắm cảnh chiều Thiên Trường

Đó là tình yêu với văn hóa, phong tục, tập quán dân tộc:
“Xong múa Giá chi thử áo xuân,
Hôm nay hưởng gặp tiết thanh minh.
Đầy mâm bánh cuốn như hồng ngọc.
Phong tục từ xưa của Việt Nam”¹⁷.

Tức sự

Nhưng điều đặc biệt là, tình yêu quê hương, đất nước của Trần Nhân Tông không chỉ rộng lớn mà còn rất sâu sắc bởi nó được dẫn dắt bởi tuệ giác của người chứng Đạo. Bởi thế, “Cư Trần Lạc Đạo Phú” có câu: “Chơi nước biếc, ần non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý; biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ nểng mấy chủ tri âm!”.

Chính tình yêu quê hương, đất nước tha thiết ấy làm cho tinh thần, ý thức trách nhiệm luôn thường trực trong lòng Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Đó là “nỗi lo đất nước khỏi nung sôi”¹⁸, là niềm vui sướng vỡ òa khi đuổi sạch quân xâm lược khỏi Tổ quốc:

“Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu”¹⁹.

Là niềm hạnh phúc viên mãn khi đất nước thái bình: “Cầm vốn thiếu huyền, sá đàn dẫu xoang vô sinh khúc; địch chẳng có lỗ, cũng phẩm chơi xướng thái bình ca”.

Tinh thần tự nhiệm còn hình thành từ thực tiễn Ngài cùng với quân dân Đại Việt đi qua hai cuộc kháng chiến hào hùng chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Hơn ai hết, Trần Nhân Tông hiểu rõ nền tảng của đất nước và vương triều là nhân dân, là những người mà thói thường coi là hạ đẳng. Chính sự hăng hái lao động sản xuất trong thời bình, xông pha hòn tên, mũi đạn, chẳng quản hy sinh trong thời chiến của nhân dân mới là nguồn sức mạnh để xây dựng và bảo vệ đất nước. Thái độ trân trọng của Trần Nhân Tông cũng như đánh giá của Ngài

về gia đồng của các vương hầu: “ngày thường thì có thị vệ tả hữu, khi quốc gia lâm hoạn nạn thì chỉ có bọn chúng có mặt”²⁰ cũng chính là thái độ và đánh giá về vai trò của nhân dân.

Với ý thức như thế, Trần Nhân Tông cho rằng, khi đất nước lâm nguy, sinh mệnh con người bị chà đạp, “sinh linh một phương phải chịu lầm than”, “lớn thì bị giết chết, nhỏ thì bắt đi, cho đến treo trời, xẻ mỏ, mình đầu khắp chốn”²¹, thì người tu hành chứng Đạo phải phát tâm Đại Từ, Đại Bi, diệt trừ lũ ác ma để cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn.

Cũng với ý thức như thế, khi mà trong chùa chiền “chẳng riêng người tục, cả đến thầy Tăng, kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích, chê các sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha, có nhẫn lại vàng, lửa độc rực cháy, buông lời đau vật, cất tiếng hại người, không nghĩ từ bi, không theo luật cấm, bàn thiên tựa thánh, trước cảnh như ngu, dẫu ở cửa không, chưa thành vô ngã”²²; trong xã hội “các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường thết yến sứ nguy mà không biết căm, hoặc lấy chọi gà làm vui, hoặc lấy đánh bạc làm thú, hoặc chăm chút vườn ruộng để nuôi gia đình, hoặc quyến luyến vợ con chỉ vì ích kỷ, hoặc lo làm giàu mà quên việc quân việc nước, hoặc ham săn bắn mà bỏ việc đánh việc phòng, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát”²³, v.v... thì người tu hành chứng Đạo cũng phải dần thân để chấn chỉnh tự phong, dân tục.

Và cũng với ý thức như thế, khi mà trong đời sống tín ngưỡng của nhân dân, mê tín dị đoan lan tràn làm mê hoặc nhân trí, rối loạn nhân tâm, thì người tu hành chứng Đạo phải ra tay phá bỏ dâm từ, giáo dục thập thiện, v.v... Người tu Phật hòa mình cùng dân tộc, và tất cả hành xử nhập thế của Phật giáo chính tông cần phải dựa trên và thể hiện ý thức sâu sắc về trách nhiệm đối với Tổ quốc, đối với dân tộc, đối với cuộc đời và đối với con người, đó là tư tưởng *Phật giáo nhập thế* rất đặc sắc của Trần Nhân Tông.

Thứ hai, trên hành trình nhập thế, người tu phải tránh “thời tiết nhân duyên”, tránh “nhuộm căn trần huyên não”. Muốn vậy, người tu cần “nhận biết lâu lâu lòng vốn”, “chùi cho vắng vặc tính gương”, v.v... Trong *Cư Trần Lạc Đạo Phú* và *Đắc Thú Lâm Tuyền Thành*

Đạo Ca, Trần Nhân Tông đã chỉ ra một cách cụ thể, hệ thống các phép tu và các Phật quả cần đạt tới, coi đó là cơ sở để người tu nhập thế miễn nhiễm bụi trần ai. Đây là một chỉ dẫn rất quan trọng của Trần Nhân Tông đối với Phật giáo nhập thế. Người tu Phật nhập thế mà giác ngộ chưa sâu, đạo hạnh chưa đủ, thì rất dễ bị trầm luân, tập nhiễm bụi bặm trong cõi nhân sinh, không những không giác tha, độ thế được, mà trái lại còn hại mình, hại người, làm cho thế sự, nhân tâm thêm rối loạn. Ngài chỉ rõ:

“Phô người học đạo,
Vô số nhiều thay;
Trúc hóa nên rồng,
Một hai là họa.
Bởi lòng vờ vịt,
Trò Bắc làm Nam”.

Người tu Phật nhập thế cần có thái độ thận trọng và cảnh giác, cũng như thế gian cũng cần thận trọng và cảnh giác trước những người nhập thế nhân danh Phật như thế.

Thứ ba, nhập thế cũng chính là đường tu. Quan điểm “tức Tâm tức Phật” đã được các Tổ, Thầy nêu lên từ trước, nhưng đến Trần Nhân Tông, tư tưởng đó càng được khẳng định mạnh mẽ, trở thành một cơ sở của Phật giáo nhập thế. Vì sao Phật giáo cần và có thể nhập thế? Đó là bởi vì, Phật vốn tại thế, vốn tại tâm. Trần Nhân Tông chỉ rõ:

“Chín Bụt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã tổ”.

“Bụt ở trong nhà; chẳng phải tìm xa.

Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt; đến cóc hay chín Bụt là ta”.

Nếu Phật tại thế, Phật tại tâm, thì con đường tu, con đường chứng Phật quả cũng phải tại thế, tại tâm, chứ không phải xuất thế gian, rời nhân tâm. Cho nên:

“Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương;

Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc”.

“Biết chân như, tin bát nhã, chớ còn tìm Phật, Tổ Tây Đông;

Chứng thực tướng, ngộ vô vi, nào nhọc hỏi kinh thiền Nam Bắc”.

Theo tinh thần như thế, nhập thế là trách nhiệm của người tu và cũng chính là đường tu. Con đường tu chân chính là con đường tại thế. Cho nên, để chứng Phật quả, người tu không nhất định phải ở chốn “son lâm”, “cánh điều Yên tử” hay “am Sạn non Đông”; và dù có “khuất tịch non cao/náu mình sơn dã” thì vẫn “thân lòng hỷ xả”. Ở nơi thành thị mà “nết dùng sơn lâm”, “trần tục mà nên” thì “phúc ấy càng yêu hết tấc”, còn hơn là “son lâm chẳng cóc” bởi “họa kia thực cả đồ công”. Người tu Phật nhập thế vừa để hành đạo, vừa qua hành đạo mà tu tập, chứng quả, đó là quan niệm độc đáo của Trần Nhân Tông về Phật giáo nhập thế.

Thứ tư, Phật giáo nhập thế cần được tổ chức và lan tỏa trở thành một hoạt động cộng đồng. Vấn đề xây dựng tổ chức Phật giáo và thông qua tổ chức Phật giáo để triển khai Phật giáo nhập thế là một tư tưởng lớn của Trần Nhân Tông. Có thể thấy, với trải nghiệm sâu sắc của một người tu Phật nhập thế, đồng thời là người đã có một thời gian dài ở vị trí lãnh đạo cao nhất của đất nước, Phật Hoàng Trần Nhân Tông thấy rõ vai trò và sức mạnh của tổ chức trong việc đảm bảo cho tính định hướng và hiệu quả của Phật giáo nhập thế. Trong “Cư Trần Lạc Đạo Phú”, có thể thấy tư tưởng nói trên của Phật Hoàng thể hiện ở những câu như:

“Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân;

Học đạo thợ thầy, dọt xương óc chưa thông của báo”.

“Nguyên mong thân cận minh sư, quả bồ đề một đêm mà chín;

Phúc gặp tình cò tri thức, hoa Ưu Đàm mấy kiếp đơm bông”.

Coi trọng “thầy” hay “minh sư”, “bạn” hay bậc “thiện tri thức”, đó chính là tư tưởng về liên kết và tổ chức trong triển khai Phật giáo nhập thế.

Tư tưởng về vai trò của tổ chức trong Phật giáo nhập thế cũng như về việc làm cho Phật giáo nhập thế trở thành hoạt động mang tính cộng đồng của Trần Nhân Tông có tính gợi mở sâu sắc cho tổ chức Phật giáo cũng như cho người cầm quyền nếu muốn phát huy vai trò của Phật giáo trong giải quyết những vấn đề của xã hội và nhân sinh một cách phù hợp.

Thay lời kết

Phật giáo nhập thế là một hiện thực, có lịch sử lâu dài như lịch sử của Đạo Phật nói chung. Trong thời hiện đại, xu thế ấy càng trở nên mạnh mẽ, và được phản ánh trong các khái niệm như “Engaged Buddhism”, “Nhân sinh Phật giáo”, “Nhân gian Phật giáo”, “Đạo Phật đi vào cuộc đời”, v.v... Các khái niệm đó là sự kết tinh những nét đặc sắc, bản chất của hiện thực Phật giáo Nhập thế. Tuy nhiên, nhìn trong chiều tác động trở lại, việc xây dựng một tư tưởng, quan điểm, quan niệm đúng về Phật giáo Nhập thế sẽ góp phần làm cho Phật giáo Nhập thế trong hiện thực đi đúng đường, phát huy vai trò “hộ quốc, an dân”, “lợi lạc quần sinh”. Tư tưởng của Phật Hoàng Trần Nhân Tông về Phật giáo nhập thế tuy không được chuyển tải trong một khái niệm tư tưởng tự với các khái niệm hiện đại, nhưng lại bao quát những quan điểm hết sức sâu sắc, thiết thực, có ý nghĩa không chỉ cho người tu Phật nhập thế, mà còn cho cả tổ chức Giáo hội cũng như chính quyền. Bốn quan điểm lớn về Phật giáo nhập thế là sự thể hiện tinh thần tự nhiệm của người tu trước cộng đồng; về người tu Phật nhập thế cần phải có căn cơ giác ngộ và đạo hạnh để tránh bị ô nhiễm bởi xã hội và thực hiện thành công mục tiêu giác tha, độ thế; về Phật giáo nhập thế tự thân là con đường tu Phật và về vai trò của tổ chức Phật giáo trong việc triển khai hoạt động Phật giáo nhập thế cũng như lan tỏa để Phật giáo nhập thế trở thành hoạt động có tính cộng đồng mà chúng tôi bước đầu phân tích ở trên là những tư tưởng có giá trị và sức sống vượt thời gian, có thể góp phần làm cho Phật giáo nhập thế trong hiện thực đi đúng “chính đạo”, hữu ích cho đạo, cho đời. Những quan điểm này cần tiếp tục được đi sâu nghiên cứu và ứng dụng hiện nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011: 228.
- 2 Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng: 714.
- 3 Lao Tử, Thịnh Lê chủ biên (2001), *Từ điển Nho, Phật, Đạo*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 1001.
- 4 Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn: 41.
- 5 Thích Nhất Hạnh, *Lịch sử đạo Bụt nhập thế*, <https://thuvienhoasen.org/a11671/lich-su-dao-but-nhap-the-nhat-hanh>, truy cập ngày 1/12/2017.

- 6 Chơn Minh, *Thiền sư Thích Nhất Hạnh, từ Nhân gian Phật giáo tới Đạo Bụt ứng dụng*, <https://thuvienhoasen.org/a24569/thien-su-thich-nhat-hanh-tu-nhan-gian-phat-giao-toi-dao-but-ung-dung>, truy cập ngày 1/12/2017.
- 7 Thích Nhất Hạnh, *Hoa sen trong biển lửa*, <https://thuvienhoasen.org/a11534/hoa-sen-trong-bien-lua-nhat-hanh>, truy cập ngày 1/12/2017.
- 8 Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu: 1.
- 9 Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu: 2.
- 10 Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu: 56.
- 11 *Phật giáo của Nhân sinh*, Bài diễn giảng chào mừng đại học tại Trấn Giang tháng 8 năm 1946, xem “Trung lưu” quyển 4, kỳ 78; xem “Thái Hư đại sư toàn thư”, thiện thứ 2, sách thứ 5, “Ngũ thừa cộng học”.
- 12 *Ngũ thập khai đề: Thái Hư toàn tập* (thiên thứ 2), sách thứ 63.
- 13 Đại sư Tinh Vân (1997), *Phật quang học*, Phật Quang sơn tôn vụ ủy viên hội, Cao Hùng: 1.
- 14 Đại sư Tinh Vân (1995), *Phật Quang từng thư (10) - Phật giáo nhân gian*. Phật Quang sơn tôn vụ ủy viên hội, Quốc tế Phật Quang hội Thế giới Tổng hội: 201.
- 15 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 334.
- 16 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 335.
- 17 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 332.
- 18 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 333.
- 19 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1998), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 62, Tập 2.
- 20 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1998), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 68, Tập 2.
- 21 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 395.
- 22 Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 210.
- 23 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1998), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 83, Tập 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allie B. King (2009), *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*, University of Hawaii press, Honolulu.
2. Chơn Minh, *Thiền sư Thích Nhất Hạnh, từ Nhân gian Phật giáo tới Đạo Bụt ứng dụng*, <https://thuvienhoasen.org/a24569/thien-su-thich-nhat-hanh-tu-nhan-gian-phat-giao-toi-dao-but-ung-dung>, truy cập ngày 1/12/2017.
3. Đại sư Tinh Vân (1995), *Phật Quang từng thư (10) - Phật giáo nhân gian*, Phật Quang sơn tôn vụ ủy viên hội, Quốc tế Phật Quang hội Thế giới Tổng hội.
4. Đại sư Tinh Vân (1997), *Phật quang học*, Phật Quang sơn tôn vụ ủy viên hội, Cao Hùng.
5. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (1998), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Lao Tử, Thịnh Lê chủ biên (2001), *Từ điển Nho, Phật, Đạo*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
8. Thích Nhất Hạnh (1964), *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
9. Thích Nhất Hạnh, *Lịch sử đạo Phật nhập thế*,
<https://thuvienhoasen.org/a11671/lich-su-dao-but-nhap-the-nhat-hanh>, truy cập ngày 1/12/2017.
10. Thích Nhất Hạnh, *Hoa sen trong biển lửa*,
<https://thuvienhoasen.org/a11534/hoa-sen-trong-bien-lua-nhat-hanh>, truy cập ngày 1/12/2017.
11. *Ngũ thập khai đề: Thái Hư toàn tập* (thiên thứ 2), sách thứ 63.
12. *Phật giáo của Nhân sinh* (1946), Bài diễn giảng chào mừng đại học tại Trần Giang tháng 8 năm 1946, xem “Trung lưu” quyển 4, kỳ 78; xem “Thái Hư đại sư toàn thư”, thiên thứ 2, sách thứ 5, “Ngũ thừa cộng học”.
13. Lê Mạnh Thát, *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

Abstract

THE ENGAGED BUDDHISM - RESEARCH ON THE THOUGHT OF TRẦN NHÂN TÔNG’S ENGAGED BUDDHISM

Tran Nhan Tong was a King - a Buddha who was successful in bringing Buddhism into the world. His idea about the Buddhist incarnation was not only expressed in words, but it was also reflected in his practice. It has had tremendous values of society, of Buddhism. The article explores some contemporary concepts of the engaged Buddhism, defines, summarizes viewpoints of Tran Nhan Tong’s engaged Buddhist thought. It also provides a basis of thought of Vietnam Buddhism at present, as well as, recognizes the great value of Tran Nhan Tong’s legacy.

Keywords: Tran Nhan Tong, Buddhism, engaged Buddhism, philosophy, thought.